

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- ST

Ngày 29 - 3 - 2019

“V/v: tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Lê Thúc Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/3/2019 giữa các đương sự:

N đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1964, có mặt

Bị Đơn: Bà Đinh Thị X, sinh năm 1965, có mặt

Đều trú tại: Thôn A, xã T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa N đơn là ông Đinh Văn N trình bày: Ông và bà Đinh Thị X về chung sống vợ chồng với nhau khoảng năm 1984, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có cưới hỏi đàng hoàng được hai bên gia đình thừa nhận. Nhưng vì không hiểu biết pháp luật, nên ông và bà X không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền. Sau khi cưới bà X có về làm dâu N2y ở chung với gia đình ông. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu đầm ấm và hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên va chạm và cãi vã. Bà Đinh Thị X luôn nghi ngờ cho rằng ông có tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng điều đó là không đúng dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất căng

thăng. Nên năm 2016 vợ chồng quyết định sống ly thân nhau, bà X ở với con trai thứ là anh Đinh Văn T, còn ông ở cùng mẹ là cụ Nguyễn Thị N1. Từ năm 2016 sống ly thân cho đến nay, ông và bà X không ai quan tâm đến ai, ai có việc người đó làm ai có cơm người đó ăn và mỗi người có cuộc sống riêng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà X.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 03 con chung là anh Đinh Văn C sinh năm 1986, anh Đinh Văn T, sinh năm 1991 và chị Đinh Thị N2, sinh năm 1992. Hiện các anh chị đã thành niên có gia đình riêng, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Trong quá trình chung sống, bà X khi về nhà ông cũng có công sức tôn tạo, quản lý nhà đất của gia đình, hai vợ chồng cũng mua sắm được các đồ dùng sinh hoạt. Năm 2018 hai vợ chồng đã chia đất cho các con, nay ông không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là bà Đinh Thị X trình bày: Bà và ông Đinh Văn N về chung sống với nhau từ khoảng năm 1984 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có cưới hỏi được cả hai gia đình thừa nhận, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Sau khi kết hôn bà về làm dâu chung sống cùng ông N và gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015, năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có tình cảm với người phụ nữ khác. Nên từ đó vợ chồng sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm và ông N không còn yêu thương chăm sóc bà nữa. Từ năm 2016 bà và ông N quyết định sống ly thân nhau, bà sang ở cùng con trai thứ là anh Đinh Văn T, còn ông N ở cùng mẹ là cụ Nguyễn Thị N1 tại nhà đất khác. Bà xác nhận đến thời điểm này bà cũng không còn tình cảm yêu thương gì với ông N nữa, nhưng ông N có đơn xin ly hôn bà không nhất trí. Bà có quan điểm vợ chồng cứ sống ly thân như hiện nay đến khi nào chán thì thôi.

Về con chung: Bà X xác nhận vợ chồng có 03 con chung là anh Đinh Văn C sinh năm 1986, anh Đinh Văn T, sinh năm 1991 và chị Đinh Thị N2, sinh năm 1992. Hiện các anh chị đã thành niên có gia đình riêng, nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống bà cũng có công sức duy trì tôn tạo quản lý nhà đất của nhà chồng, hai vợ chồng cũng mua sắm được đồ dùng sinh hoạt. Năm 2018 bà và ông N đã phân chia cho các con, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ,

quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và bà X đều nhận, nhưng bà chỉ đến làm việc một lần ngoài ra bà không ra Tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho ông Đinh Văn N được ly hôn bà Đinh Thị X.
2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 01 tháng 12 năm 2018 ông Đinh Văn N có đơn khởi kiện xin ly hôn bà Đinh Thị X, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Thôn An Ninh, xã T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: N đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của ông Đinh Văn N với bà Đinh Thị X Hội đồng xét xử thấy: Ông N và bà X chung sống vợ chồng từ khoảng năm 1984 trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện, có cưới hỏi và được hai bên gia đình công nhận, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Theo Điểm a mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì đối với quan hệ vợ chồng được xác lập trước khi lập Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực (trước ngày 03/01/1987), thì không bắt buộc phải đăng ký kết hôn mà chỉ khuyến khích đăng ký kết hôn. Nên trong vụ án này quan hệ vợ chồng của ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị X là hợp pháp và thời kỳ hôn nhân hợp pháp bắt đầu từ ngày xác lập. Như vậy ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị X về chung sống với nhau khoảng từ năm 1984, hai bên không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông N và bà X có 03 con chung, có tài sản chung, nay hai bên phát sinh mâu thuẫn có đơn xin ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết như vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này theo bà Đinh Thị X cho rằng khoảng năm 2015, năm 2016 do ông N có tình cảm với người phụ nữ khác, nên vợ chồng sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, còn ông N cho rằng bà X nói ông có tình cảm với người phụ nữ khác là không có căn cứ và không đúng. Ông N và bà X đều xác định từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân nhau, bà X ở cùng con trai thứ tại nhà đất khác, còn ông N sống cùng mẹ già ở nhà đất khác. Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải bà X không nhất trí ly hôn ông N, nhưng khi Tòa án tiếp tục báo gọi bà ra hòa giải chuyện tình cảm vợ chồng, thì bà vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Bà X không nhất trí ly hôn ông N không phải vì còn tình cảm yêu thương vợ chồng với ông N, điều này do chính bà X xác nhận tại phiên tòa, là bà không còn tình cảm yêu thương gì với ông N nữa, bà muốn vợ chồng cứ sống ly thân như hiện nay đến khi nào chán thì thôi. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà X đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận cho ông N ly hôn bà X là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông N và bà X có 03 con chung là anh Đinh Văn C sinh năm 1986, anh Đinh Văn T, sinh năm 1991 và chị Đinh Thị N2, sinh năm 1992. Hiện các anh chị đã thành niên có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị, nên giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh Văn N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho ông Đinh Văn N được ly hôn bà Đinh Thị X.
2. Về con chung: Không đặt ra xem xét.
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.
4. Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh Văn N phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đó nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0004239 ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; ông N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

N đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phiên - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

